ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 129 /GPMT-UBND	*Thanh Hóa, ngày 01 tháng 4 năm 2026*

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường ngày 11/12/2025;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh: Số 2368/QĐ-UBND ngày 10/6/2024 về việc phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Cụm công nghiệp Liên Hoa, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hoá của Công ty TNHH đầu tư xây dựng và phát triển Lam Kinh; số 3703/QĐ-UBND ngày 27/11/2025 về việc điều chỉnh, bổ sung ngành nghề hoạt động Cụm công nghiệp Liên Hoa, xã Hoa Lộc, tỉnh Thanh Hóa;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường số 05/CV-LK ngày 27/01/2026 và số 08/CV-LK ngày 09/3/2026 của Công ty TNHH Đầu tư xây dựng và phát triển Lam Kinh và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 459/TTr-SNNMT ngày 30/3/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Đầu tư xây dựng và phát triển Lam Kinh, địa chỉ tại số 59 Tôn Thất Thuyết, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án Cụm công nghiệp Liên Hoa, tại xã Hoa Lộc, tỉnh Thanh Hóa, với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở

1.1. Tên dự án: Cụm công nghiệp Liên Hoa, xã Hoa Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

1.2. Địa điểm hoạt động: Xã Hoa Lộc, tỉnh Thanh Hoá.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, Mã số doanh nghiệp: 2802798690 do Phòng Đăng ký Kinh doanh - Sở Tài chính tỉnh Thanh Hoá cấp, đăng ký lần đầu ngày 26/9/2019, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 06/8/2025.

1.4. Mã số thuế: 2802798690

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Xây dựng mới hạ tầng, kinh doanh hạ tầng kỹ thuật tại cụm công nghiệp; các loại hình đầu tư trong Cụm công nghiệp theo đúng Quyết định số 3703/QĐ-UBND ngày 27/11/2025 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc điều chỉnh, bổ sung ngành nghề hoạt động Cụm công nghiệp Liên Hoa, xã Hoa Lộc, tỉnh Thanh Hóa như sau:

- Sản xuất thiết bị cơ khí, sản phẩm nội thất (mã ngành: C2511, C259, C3100); chế biến nông sản (mã ngành: C1030, C1077); sản xuất hàng tiêu dùng, chăn ga, sản xuất trang phục (mã ngành: C14, C1393); sản xuất các sản phẩm dược, vật tư y tế (mã ngành: C3250, C21); sản xuất máy móc thiết bị nông, lâm nghiệp (mã ngành C2821).

- Sản xuất linh kiện, thiết bị điện tử, viễn thông không có các công đoạn mạ, phủ bằng sơn hoặc hoá chất, làm sạch bằng hoá chất độc theo quy định của pháp luật về hoá chất (mã ngành C27 trừ ngành C272 - sản xuất pin, ắc quy, C2610, C2620, C2630, C2640, C2660).

- Các ngành nghề được thu hút vào cụm công nghiệp (có yêu cầu về khoảng cách an toàn môi trường), gồm: Sản xuất giày dép (mã ngành: C1520); chế biến lâm sản (mã ngành C16); vật liệu xây dựng (mã ngành: C2391, C2392, C2393, C2395, C2396); chế biến thực phẩm (mã ngành: C1010, C1050, C1062, C1071, C1073, C1074, C1075); sản xuất đồ uống (mã ngành C110, trừ ngành C1101, 1102, 1103). Yêu cầu chủ đầu tư ưu tiên thu hút danh mục sản phẩm công nghệ cao khuyến khích phát triển theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 38/2020/QĐ-TTg ngày 30/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành danh mục công nghệ cao được ưu tiên phát triển; phải bố trí các ngành nghề đảm bảo khoảng cách an toàn môi trường theo quy định; đồng thời, thực hiện đầy đủ các quy định hiện hành của pháp luật về xây dựng, an toàn phòng cháy và chữa cháy, an toàn bức xạ, an toàn hóa chất, tài nguyên nước và các quy định về bảo vệ môi trường. Không được thu hút đầu tư vào CCN đối với các cơ sở sản xuất, kho tàng có mức độ độc hại cấp I, cấp II theo quy định tại mục 2.5.1 của QCVN 01:2021/BXD; các dự án sản xuất giấy, bột giấy, các dự án có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao.

- Đầu tư xây dựng nhà xưởng, kho bãi, văn phòng cho thuê hoặc bán cho các doanh nghiệp có nhu cầu đầu tư sản xuất kinh doanh các ngành nghề được phép hoạt động trong CCN và kinh doanh các dịch vụ công cộng, tiện ích khác trong CCN (mã ngành: F4102, F422, F432, F4293, F4299, L68102, L68104, H52, N829) theo quy định của pháp luật (nhà đầu tư được phép dùng nguồn vốn tự có và nguồn vốn huy động hợp pháp khác để đầu tư vào lô CN-01, khu A và các lô khác nếu có nhu cầu).

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Tổng diện tích của dự án: 371.362,4 m².

- Quy mô dự án: dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Dự án thuộc Nhóm II theo quy định tại STT 4, Mục II, Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

- Công nghệ sản xuất: Không có.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 01 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 02 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 03 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 04 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 05 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Đầu tư xây dựng và phát triển Lam Kinh

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Đầu tư xây dựng và phát triển Lam Kinh có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý nước

thải, chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp Giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm.

(Từ ngày 10/4/2026 đến ngày 10/4/2036).

Điều 4. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND xã Hoa Lộc theo chức năng, nhiệm vụ được giao, tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- Chủ tịch UBND tỉnh (để báo cáo);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở NN&MT (để theo dõi);
- UBND xã Hoa Lộc (để theo dõi);
- Công ty TNHH ĐTXD&PT Lam Kinh (để thực hiện);
- Lưu: VT, NNMT.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Cao Văn Cường

PHỤ LỤC 01

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày / /2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt, sản xuất phát sinh từ các nhà máy, cơ sở sản xuất tại các lô A. CN (A. CN-01; A. CN-02 và A. CN-03) và tại Lô B. CN (B. CN-01; B. CN-02; B. CN-03; B. CN-04 và B. CN-05).

- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt, sản xuất phát sinh từ các nhà máy, cơ sở sản xuất tại lô C. CN (C. CN-01).

- Nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt, sản xuất phát sinh từ các nhà máy, cơ sở sản xuất tại lô C. CN (C. CN-02:01 và C. CN-02:02).

- Nguồn số 04: Nước thải sinh hoạt khu vực Nhà điều hành của CCN.

Lưu lượng nước thải phát sinh lớn nhất theo tính toán (khi không tái sử dụng) là 610,4 m^3/ngày.đêm. Một phần nước sử dụng tuần hoàn cho tưới cây, rửa đường... theo tính toán 54,45 m^3/ngày.đêm, ngoài ra chủ đầu tư khuyến khích các nhà đầu tư thứ cấp tăng cường tái sử dụng nước thải sau xử lý cho hoạt động của nhà máy, cơ sở.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải

Mương tiêu đất ở phía Đông của dự án thuộc địa phận xã Hoa Lộc, tỉnh Thanh Hoá sau đó chảy ra sông Lèn thông qua cống tiêu Sen Trì.

2.2. Vị trí xả thải

- Vị trí: Mương tiêu đất ở phía Đông của dự án thuộc địa giới hành chính xã Hoa Lộc, tỉnh Thanh Hoá sau đó chảy ra sông Lèn thông qua cống tiêu Sen Trì ở phía Đông Bắc.

- Toạ độ vị trí xả nước thải *(theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105^0, múi chiếu 3^0)* là: X = 2205843 (m); Y = 597310 (m).

- Điểm xả nước thải sau xử lý phải có biển báo rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất

Lưu lượng xả nước thải lớn nhất là 750 m^3/ngày.đêm (24 giờ) (tương ứng với công suất của Trạm xử lý nước thải tập trung theo đề nghị của chủ đầu tư).

2.4. Phương thức xả thải

- Phương thức xả thải: Nước thải sau khi xử lý đạt quy chuẩn cho phép chảy vào mương quan trắc nước thải tự động *(sensor lấy mẫu quan trắc của trạm quan trắc nước thải tự động được lắp tại mương quan trắc nước thải*). Nước thải sau khi qua mương quan trắc sẽ bơm để tái sử dụng, phần không tái sử dụng tự chảy theo đường ống HDPE, D160 (L=130m) ra hệ thống mương tiêu đất ở phía Đông của dự án thuộc địa giới hành chính xã Hoa Lộc, tỉnh Thanh Hoá theo phương thức tự chảy và sau đó chảy ra sông Lèn thông qua cống tiêu Sen Trì ở phía Đông Bắc.

- Hình thức xả: Tự chảy liên tục, xả mặt.

2.5. Chế độ xả nước thải: Liên tục 24 giờ/ngày.đêm.

2.6. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận

- Từ thời điểm cấp phép đến hết ngày 31/12/2031, chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 40: 2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột B, K_q=0,9; K_f=1,0), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép theo QCVN 40: 2011/BTNMT (cột B, K_q=0,9, K_f =1,0)	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Lưu lượng	m^3/ngày.đêm	-	-	Thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục
2	Nhiệt độ	^oC	40		
3	pH	-	5,5 đến 9		
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	90		
5	COD	mg/l	135		
6	Amoni (NH_4^+) tính theo N	mg/l	9		
7	Độ màu	Pt/Co	150	03 tháng/lần	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục
8	BOD_5	mg/l	45		
9	Sắt	mg/l	4,5		
10	Asen	mg/l	0,09		
11	Chì	mg/l	0,45		
12	Đồng	mg/l	1,8		
13	Kẽm	mg/l	2,7		
14	Tổng phenol	mg/l	0,45		

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép theo QCVN 40: 2011/BTNMT (cột B, K_q=0,9, K_f =1,0)	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
15	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	9		
16	Tổng Ni-tơ	mg/l	36		
17	Tổng Phốt-pho (tính theo P)	mg/l	5,4		
18	Sunfua (S^{2-})	mg/l	0,45		
19	Florua (F^-)	mg/l	9		
20	Clo dư	mg/l	1,8		
21	Coliform	Vi khuẩn/100ml	5000		

- Từ ngày 01/01/2032, chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 40:2025/BTNMT (Cột B, Bảng 1, 2 và lưu lượng xả thải F ≤ 2.000 m^3) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải công nghiệp, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép theo QCVN 40: 2025/BTNMT (cột B, Bảng 1,2, F ≤ 2.000 m^3)	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Lưu lượng	m^3/ngày.đêm	-	-	Thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục
2	Nhiệt độ	^oC	≤ 40		
3	pH	-	6 - 9		
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	≤ 80		
5	COD	mg/l	≤ 90		
6	Amoni (NH_4^+) tính theo N	mg/l	≤ 10		
7	Độ màu	Pt/Co	≤ 100	03 tháng/lần	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục
8	BOD_5	mg/l	≤ 60		
9	Fe	mg/l	≤ 10		
10	As	mg/l	≤ 0,25		
11	Pb	mg/l	≤ 0,5		
12	Cu	mg/l	≤ 3,0		
13	Zn	mg/l	≤ 5,0		

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép theo QCVN 40: 2025/BTNMT (cột B, Bảng 1,2, F ≤ 2.000 m^3)	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
14	Phenol	mg/l	≤ 0,5		
15	Dầu mỡ khoáng	mg/l	≤ 5,0		
16	Tổng Nito	mg/l	≤ 40		
17	Tổng Phốt pho	mg/l	≤ 6,0		
18	Sunfua (S^{2-})	mg/l	≤ 0,5		
19	Florua (F-)	mg/l	≤ 15		
20	Clo dư	mg/l	≤ 2,0		
21	Coliform	MPN/100ml	≤ 5000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục (nếu có)

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về Trạm xử lý nước thải tập trung

Toàn bộ nước thải sinh hoạt và sản xuất phát sinh từ các nhà máy, cơ sở và nhà điều hành của CCN được thu gom theo các tuyến như sau:

- Tuyến thu gom số 01: Nước thải sinh hoạt, sản xuất từ các nhà máy, xí nghiệp tại các lô A. CN (A. CN-01; A. CN-02 và A. CN-03) sau khi xử lý sơ bộ → đường ống BTCT, D300 bố trí dọc theo hàng rào của các lô đất → Trạm bơm truyền tải nước thải (bố trí tại lô A. CN-01) → đường ống BTCT, D300 bố trí dọc theo hàng rào của các lô đất → đường ống HDPE D160 (qua tuyến đường Quang Hưng) và tại Lô B. CN (B. CN-01; B. CN-02; B. CN-03; B. CN-04 và B. CN-05) sau khi xử lý sơ bộ → đường ống BTCT, D300 bố trí dọc theo hàng rào của các lô đất → Hố ga chung số 01 (tại hố ga có ký hiệu G11 trên bản vẽ hoàn công).

- Tuyến thu gom số 02: Nước thải sinh hoạt, sản xuất từ các nhà máy, xí nghiệp tại lô C. CN (C. CN-01) sau khi xử lý sơ bộ → Hố ga chung số 02 (tại hố ga có ký hiệu G20 trên bản vẽ hoàn công).

- Tuyến thu gom số 03: Nước thải sinh hoạt, sản xuất từ các nhà máy, xí nghiệp tại các lô C. CN (C. CN-02:01 và C. CN-02:02) sau khi xử lý sơ bộ → đường ống BTCT, D300 bố trí dọc theo hàng rào của các lô đất → Hố ga chung số 03 (tại hố ga có ký hiệu G12 trên bản vẽ hoàn công).

Nước thải từ hố ga chung số 01, số 02 và số 03 chảy vào đường ống BTCT, D300 dọc theo hàng rào của lô C. CN01 về hố ga chung số 04 (hố ga cuối cùng) theo đường ống BTCT, D300 dẫn về Trạm xử lý nước thải tập trung để xử lý nước thải đạt quy chuẩn trước khi thải ra môi trường.

- Tuyến thu gom số 04: Nước thải sinh hoạt khu vực Nhà điều hành của CCN gồm nước thải sinh hoạt sau xử lý sơ bộ → đường ống PVC, D110 → Trạm xử lý nước thải tập trung để xử lý nước thải đạt quy chuẩn trước khi thải ra môi trường.

- Nước thải sau xử lý của Trạm xử lý nước thải tập trung, công suất 750 m^3/ngày.đêm đạt quy chuẩn cho phép, chảy ra hệ thống mương tiêu đất ở phía Đông của dự án thông qua đường ống HDPE, D160 với tổng chiều dài 130m. Nước từ mương tiêu đất ở phía Đông của dự án được tiêu thoát ra sông Lèn ở phía Đông Bắc thông qua cống tiêu Sen Trì.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

1.2.1. Bể tự hoại 03 ngăn:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt tại khu nhà điều hành CCN → ngăn chứa (vi sinh vật phân hủy chất thải thành bùn) → ngăn lắng 1 (lên men kỵ khí) → ngăn lắng 2 (lắng làm sạch, loại bỏ chất rắn lơ lửng) → Trạm xử lý nước thải tập trung của CCN.

- Công suất: 01 bể tại khu nhà điều hành dung tích 15m^3.

- Hoá chất, vật liệu sử dụng: Chế phẩm sinh học được bổ sung vào bể tự hoại định kỳ 03 tháng/lần, khoảng 1.000g/lần.

- Đối với bùn cặn phát sinh từ bể tự hoại: Hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom, xử lý với tần suất 03 năm/lần.

1.2.2. Trạm xử lý nước thải tập trung:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → bể thu gom, lắng cát → máy tách rác → bể phản ứng → bể keo tụ, tạo bông → bể lắng hoá lý → bể điều hoà → bể thiếu khí → bể hiếu khí → bể lắng sinh học → bể trung gian → bồn lọc áp lực → bể khử trùng → môi trường.

- Tổng công suất thiết kế: 750 m^3/ngày.đêm.

- Hóa chất: Dung dịch Polymer; PAC; $Ca(OCl)_2$; NaOH (hoặc các hóa chất tương đương, đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.3 phần A Phụ lục này).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

- Dự án đầu tư thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống quan trắc tự động, liên tục để theo dõi, giám sát chất lượng nước thải sau xử lý khoản 2, điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ.

- Hoàn thành việc lắp đặt Trạm quan trắc nước thải tự động, liên tục, khu vực bể chứa nước thải sau xử lý trước khi xả ra môi trường chậm nhất trong tháng 04 năm 2026, cụ thể:

+ Số lượng: 01 trạm.

+ Vị trí lắp đặt: Mương quan trắc tự động dẫn nước thải sau xử lý.

+ Thông số lắp đặt: Lưu lượng (đầu vào, đầu ra), pH, nhiệt độ, TSS, COD, Amoni (NH_4^+).

+ Thiết bị lấy mẫu tự động.

+ Camera theo dõi.

+ Kết nối, truyền dữ liệu: Truyền dữ liệu tự động, liên tục về Sở Nông nghiệp và Môi trường. Hệ thống quan trắc tự động, liên tục đối với nước thải được gắn Camera theo dõi, được thử nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn theo đúng quy định về khoa học, công nghệ, tiêu chuẩn đo lường và chất lượng.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

1.4.1. Công trình ứng phó sự cố

Đã xây dựng công trình 01 hồ sự cố có dung tích hiệu dụng 805 m^3 đảm bảo lưu chứa toàn bộ nước thải trong trường hợp trạm xử lý nước thải tập trung gặp sự cố, để khắc phục sự cố.

1.4.2. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Trường hợp nước thải sau xử lý vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường: Nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất phát sinh từ các nhà đầu tư thứ cấp chảy về bể gom, sau đó bơm về hồ sự cố để lưu giữ. Đơn vị vận hành tiến hành kiểm tra, phát hiện và cải thiện hiệu quả vận hành của Trạm xử lý nước thải. Sau khi khắc phục, nước thải được bơm về bể thu gom để tiếp tục xử lý.

- Trường hợp Trạm xử lý nước thải gặp sự cố

+ Do các thiết bị: Nước thải được chứa vào bể thu gom, nếu nước thải vượt quá thì được bơm về hồ sự cố để lưu trữ. Đơn vị vận hành tiến hành kiểm tra các bộ phận của máy móc thiết bị và tiến hành thay thế kịp thời bằng thiết bị dự phòng hiện có của Dự án. Sau khi khắc phục, nước thải được bơm về bể thu gom để tiếp tục xử lý.

+ Sự cố do quá trình xử lý hóa lý: Nước thải được bơm về hồ sự cố để lưu trữ trong trường hợp xử lý mất nhiều thời gian. Đơn vị vận hành tiến hành kiểm tra nồng độ pH, điều chỉnh hóa chất thích hợp, điều chỉnh tốc bộ khuấy trộn và tăng cường quá trình keo tụ. Sau khi khắc phục, nước thải được bơm về bể thu gom để tiếp tục xử lý.

+ Sự cố do quá trình xử lý sinh học: Nước thải được bơm về hồ sự cố để lưu trữ trong trường hợp xử lý mất nhiều thời gian. Đơn vị vận hành tiến hành

tăng cường sục khí cung cấp ô xi, bổ sung dinh dưỡng, tăng cường tuần hoàn bùn mới và tốc độ rút bùn dư. Sau khi khắc phục, nước thải được bơm về bể thu gom để tiếp tục xử lý.

- Trường hợp tắc, vỡ đường ống thu gom nước thải từ các nhà đầu tư thứ cấp, sẽ được bơm chuyển tải về hố thu kế tiếp đảm bảo nước thải được thu gom về Trạm xử lý nước thải tập trung.

- Đã lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục để giám sát nước thải sau xử lý; bố trí cán bộ phụ trách về môi trường được đào tạo, chuyển giao kỹ thuật vận hành Trạm xử lý nước thải tập trung, ứng phó sự cố.

- Đối với nước thải sau xử lý ra hệ thống mương tiêu đất ở phía Đông của dự án, trong trường hợp nước thải sau xử lý có các thông số ô nhiễm vượt quy chuẩn cho phép, Công ty chịu trách nhiệm trước pháp luật.

- Định kỳ hàng năm tiến hành duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc của Trạm xử lý nước thải tập trung.

- Thực hiện kiểm tra, giám sát hệ thống thu gom nước thải, thoát nước thải sau xử lý để phòng ngừa tình trạng tắc nghẽn hệ thống.

1.5. Tiêu chuẩn đầu vào Trạm xử lý nước thải tập trung của dự án

Các nhà đầu tư thứ cấp phải thực hiện xử lý sơ bộ nước thải trước khi đấu nối vào hệ thống thu gom nước thải của CCN, căn cứ từng loại hình sản xuất, chủ đầu tư lựa chọn các thông số (trong bảng dưới đây) ghi trong hợp đồng đấu nối xử lý nước thải và yêu cầu nhà đầu tư thứ cấp phải đáp ứng giá trị giới hạn thông số đầu vào của Trạm xử lý nước thải tập trung của CCN, cụ thể như sau:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép
1	Nhiệt độ	^oC	40
2	pH	-	5,5 - 9
3	Độ màu	Pt - Co	150
4	BOD_5 (20^oC)	mg/l	250
5	COD	mg/l	200
6	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	200
7	Asen (As)	mg/l	0,1
8	Chì (Pb)	mg/l	0,5
9	Đồng (Cu)	mg/l	2
10	Kẽm (Zn)	mg/l	3
11	Sắt (Fe)	mg/l	5
12	Phenol	mg/l	0,5
13	Dầu mỡ khoáng	mg/l	10

14	Sulfua (S^{2-})	mg/l	0,5
15	Florua (F^{-})	mg/l	10
16	Amoni (NH_4^{+}) tính theo Nito	mg/l	40
17	Tổng N	mg/l	60
18	Tổng P	mg/l	6
19	Clo dư	mg/l	2
20	Coliform	MPN/100ml	10.000

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm

Thời gian vận hành thử nghiệm: Không quá 06 tháng sau khi có nước thải phát sinh xả ra môi trường.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm

Trạm xử lý nước thải tập trung, công suất 750 m^3/ngày.đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: 02 vị trí:

- Vị trí số 01: Nước thải đầu vào tại bể gom nước thải.

- Vị trí số 02: Nước thải đầu ra tại mương quan trắc.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Thực hiện theo nội dung được cấp phép tại mục 2.6, Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: Thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 4 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 được sửa đổi tại khoản 8 Điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/2/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) và sửa đổi tại Điều 14 Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, vận hành Trạm xử lý nước thải tập trung của dự án đầu tư theo đúng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2 phần A của Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo hệ thống thu gom, thoát nước mưa độc lập với hệ thống thu gom, xả nước thải sau xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Có quy trình kiểm soát chặt chẽ chất lượng nước thải đầu ra của các doanh nghiệp thứ cấp trước khi đấu nối vào hệ thống thu gom, trạm xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp.

3.3. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm và vận hành công trình xử lý nước thải. Trong quá trình vận hành

thử nghiệm, Công ty TNHH Đầu tư xây dựng và phát triển Lam Kinh có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 7 và 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5, Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (trách nhiệm báo cáo cơ quan cấp phép để giám sát).

3.4. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả công trình thu gom, xử lý nước thải. Việc vận hành Trạm xử lý nước thải tập trung phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các nội dung: lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng nước thải đầu vào, đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; lượng và loại hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh; nhật ký vận hành được lưu giữ tối đa 02 năm.

3.5. Ban hành quy chế về bảo vệ môi trường của CCN theo quy định của pháp luật.

3.6. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được kiểm định, hiệu chuẩn định kỳ theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn đo lường, chất lượng; dữ liệu quan trắc tự động phải được truyền dẫn thường xuyên, ổn định về Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thanh Hoá theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025, Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026, Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021.

3.7. Công ty TNHH Đầu tư xây dựng và phát triển Lam Kinh chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về việc xả nước thải ra môi trường không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này./.

PHỤ LỤC 02

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀO MÔI TRƯỜNG VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày / /2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP ĐỐI VỚI KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải

Mùi, khí thải phát sinh từ hệ thống xử lý khí thải Trạm xử lý nước thải tập trung công suất 750 m^3/ngày.đêm.

2. Dòng khí thải, vị trí xả thải

Dự án có 01 dòng khí thải tại ống thải khí thải (mùi) phát sinh từ hệ thống xử lý khí thải của Trạm xử lý nước thải tập trung.

2.1. Vị trí xả khí thải

Toạ độ vị trí xả khí thải theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 105^0, múi chiếu 3^0, cụ thể: X=2205789 (m); Y=597243(m);

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất

Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 800 m^3/giờ (theo công suất quạt hút mùi).

2.2.1. Phương thức xả khí thải

- Xả liên tục do hoạt động của trạm xử lý nước thải tập trung trong 24 giờ.

- Chế độ xả nước thải: liên tục 24 giờ.

2.2.2. Các chất ô nhiễm và giá trị của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải

Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và thông số ô nhiễm phải đáp ứng QCVN 19:2024/BTNMT (cột C, Bảng 1) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp, cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN 19:2024/BTNMT (cột C, Bảng 1)	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	H_2S	mg/Nm^3	≤8	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	CH_3HS	mg/Nm^3	≤15		
3	NH_3	mg/Nm^3	≤ 30		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải

Khí thải (mùi) phát sinh từ các bể thu gom, bể điều hoà và bể nén bùn…được quạt hút thu gom về tháp hấp thụ mùi để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải (mùi) phát sinh từ các bể của trạm xử lý nước thải tập trung→ Đường ống thu gom → Tháp hấp phụ (Than hoạt tính) → Quạt hút → Ống thoát khí → Môi trường.

- Công suất hệ thống xử lý khí thải lớn nhất: 800 m^3/giờ (tính theo công suất của quạt hút).

- Thiết bị: Bơm, phao, đồng hồ và các thiết bị, động cơ khác.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính (hoặc các hóa chất tương đương không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Phần A Phụ lục này).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục

Dự án không thuộc đối tượng phải lắp đặt quan trắc khí thải tự động, liên tục.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố (nếu có)

- Khi hệ thống xử lý khí thải (mùi) phát sinh từ Trạm xử lý nước thải tập trung bị hư hỏng, hoạt động không hiệu quả, phát sinh các mùi hôi, thối ra môi trường không khí chủ đầu tư thực hiện biện pháp như sau:

- Khắc phục, sửa chữa và thay thế các thiết bị từ hệ thống xử lý khí thải, hút mùi (nếu hỏng không sửa chữa được);

- Vận hành lại hệ thống xử lý sau khi sửa chữa, khắc phục.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Căn cứ khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ và tại khoản 1 Điều 11 Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ, hệ thống xử lý khí thải (mùi) phát sinh từ trạm xử lý nước thải tập trung của CCN không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Vận hành hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của Trạm xử lý nước thải tập trung đầu tư theo đúng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.2.2 phần A của Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả công trình thu gom, xử lý khí thải. Việc vận hành hệ thống xử lý khí thải phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các nội dung: lưu lượng (đầu ra), các thông số đặc trưng khí thải.

3.4. Ban hành quy chế về bảo vệ môi trường của Cụm công nghiệp theo quy định của pháp luật.

3.5. Công ty TNHH Đầu tư xây dựng và phát triển Lam Kinh chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về việc xả khí thải ra môi trường không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này./.

PHỤ LỤC 03

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày / /2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Phát sinh từ hoạt động của máy nén khí, máy bơm của Trạm xử lý nước thải tập trung của CCN.

- Nguồn số 02: Phát sinh từ máy phát điện dự phòng tại khu Nhà điều hành của CCN.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

Vị trí phát sinh: Nằm trong khuôn viên Khu đất hạ tầng kỹ thuật thuộc dự án tại xã Hoa Lộc, tỉnh Thanh Hóa. Tọa độ đại diện vị trí phát sinh tiếng ồn và độ rung *(theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105^0, múi chiếu 3^0)*, như sau:

- Nguồn số 01: X = 2205790 (m); Y = 597248 (m).

- Nguồn số 02: X = 2205779 (m); Y = 597229 (m).

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

+ Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và tiếng ồn cho phép (dBA)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
	70	55	-	Khu vực thông thường

+ Giá trị giới hạn đối với độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
	70	60	-	Khu vực thông thường

- Kể từ ngày 01/01/2027, tiếng ồn, độ rung phát sinh tại dự án phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đáp ứng yêu cầu quy định tại QCVN 26:2025/BNNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2025/BNNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị, đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn. Đối với thiết bị có công suất lớn, lắp đặt gối lên các đệm cao su, không tiếp xúc trực tiếp với chân đế bằng bê tông, từ đó giảm thiểu độ rung khi hoạt động. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay thế dầu bôi trơn; bố trí khoảng cách các thiết bị gây ồn hợp lý.

- Trồng cây xanh xung quanh khu vực dự án nhằm giảm thiểu tác động của tiếng ồn phát sinh từ hoạt động của dự án.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung./.

PHỤ LỤC 04

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,

PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày / /2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên từ hoạt động quản lý CCN

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
1	Cartridge mực, mực in thải (hộp mực in thải có chứa các thành phần nguy hại)	08 02 04	20
2	Thuỷ tinh, nhựa và gỗ thải có hoặc bị nhiễm các thành phần nguy hại	11 02 01	10
3	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	20
4	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác	17 02 04	50
5	Chất hấp phụ (than hoạt tính), giẻ lau, vải bảo vệ,... thải bị nhiễm các thành phần nguy hại (giẻ lau dính dầu mỡ, hóa chất; găng tay dính dầu mỡ, hóa chất; vải bảo vệ dính dầu mỡ, hóa chất; cao su dính keo, hóa chất;...)	18 02 01	50
Tổng khối lượng			**150**

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

TT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Bùn thải thông thường từ quá trình xử lý nước thải tập trung, nạo vét rãnh thoát nước, bể tự hoại tại khu vực điều hành của dự án	50.000
2	Chất thải từ các hoạt động vệ sinh môi trường, chăm sóc cây xanh, nạo vét khơi thông cống rãnh thoát nước tại khu vực Dự án	36.750
Tổng cộng		**86.750**

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

TT	Tên chất thải	Khối lượng (tấn/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	5,475

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Đối với chủ đầu tư hạ tầng CCN

- Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa có nắp đậy; bao bì ghi nhãn mác của từng loại CTNH theo quy định.

- Khu vực lưu chứa trong nhà: Kho chứa chất thải nguy hại có diện tích 10,0 m^2 (kích thước RxD = 2,5m x 4,0m) thuộc Nhà thu gom chất thải rắn có tổng diện tích 15,2 m^2.

- Thiết kế, cấu tạo: Khu vực lưu chứa có tường bao, chia thành các ngăn chứa, có mái che, nền xi măng chống thấm, có thiết bị phòng cháy chữa cháy, có biển dấu hiệu cảnh báo theo quy định.

- Khu vực lưu chứa CTNH phải đáp ứng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Chất thải nguy hại được định kì chuyển giao cho các đơn vị chức năng thu gom, xử lý.

2.1.2. Đối với nhà đầu tư thứ cấp: Tùy theo từng ngành nghề và tình hình phát sinh các loại CTNH và khối lượng khác nhau, các nhà đầu tư thứ cấp bố trí, xây dựng thiết bị lưu chứa và kho chứa CTNH theo đúng quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

2.2.1. Đối với chủ đầu tư hạ tầng CCN

- Thiết bị lưu chứa: không có.

- Khu vực lưu chứa:

+ Bùn thải từ quá trình nạo vét, khơi thông cống rãnh thoát nước mưa; bùn cặn từ bể tự hoại: Lưu trữ tại chỗ, thuê đơn vị có chức năng đến hút vận chuyển, xử lý định kỳ theo quy định.

+ Lá cây rụng, cành cây khi được cắt tỉa định kỳ thu gom cùng với chất thải sinh hoạt.

2.2.2. Đối với các nhà đầu tư thứ cấp:

- Tùy theo từng ngành nghề phát sinh các loại CTR và khối lượng khác nhau; các nhà đầu tư thứ cấp bố trí, xây dựng thiết bị, kho chứa chất thải theo đúng quy định.

- Bố trí thiết bị, phương tiện để phân loại tại nguồn, thu gom chất thải rắn thông thường phù hợp với khối lượng, phân loại chất thải phát sinh theo quy định của pháp luật;

- Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.3.1. Đối với chủ đầu tư hạ tầng CCN:

- Thiết bị lưu chứa: Thùng composite dung tích (5 - 10) lít/thùng, có nắp đậy và bánh xe; bao bì mềm PE, PP hai lớp. Thùng nhựa được để tại các vị trí thuận lợi cho việc thu gom, lưu giữ, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt.

- Khu vực lưu chứa: Kho chứa chất thải sinh hoạt có diện tích 5,2 m^2 (kích thước RxD= 1,3mx4,0m) thuộc Nhà thu gom chất thải rắn có tổng diện tích 15,2 m^2.

- Thiết kế, cấu tạo: Khu vực lưu chứa có mái che, nền xi măng chống thấm, có rãnh và hố thu gom chất thải lỏng, có thiết bị phòng cháy chữa cháy, có biển dấu hiệu cảnh báo theo quy định.

2.3.2. Đối với các nhà đầu tư thứ cấp:

- Tùy theo từng ngành nghề phát sinh các loại CTR và khối lượng khác nhau; các nhà đầu tư thứ cấp bố trí, xây dựng thiết bị, kho chứa chất thải theo đúng quy định.

- Bố trí thiết bị, phương tiện để phân loại tại nguồn, thu gom chất thải rắn thông thường phù hợp với khối lượng, phân loại chất thải phát sinh theo quy định của pháp luật.

- Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

2.5. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và sự cố khác theo quy định của pháp luật.

- Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại phải có đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có biển cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo Tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Tổ chức thực hiện biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật bảo vệ môi trường thì phải đảm bảo có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP./.

PHỤ LỤC 05

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày / /2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ/CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Hoàn thành việc lắp đặt Trạm quan trắc nước thải tự động, liên tục, khu vực bể chứa nước thải sau xử lý trước khi xả ra môi trường chậm nhất trong tháng 04 năm 2026, cụ thể:

- Số lượng: 01 trạm.

- Vị trí lắp đặt: Mương quan trắc tự động dẫn nước thải sau xử lý.

- Thông số lắp đặt: Lưu lượng (đầu vào, đầu ra), pH, nhiệt độ, TSS, COD, Amoni (NH_4^+).

- Thiết bị lấy mẫu tự động.

- Camera theo dõi.

- Kết nối, truyền dữ liệu: Truyền dữ liệu tự động, liên tục về Sở Nông nghiệp và Môi trường. Hệ thống quan trắc tự động, liên tục đối với nước thải được gắn Camera theo dõi, được thử nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn theo đúng quy định về khoa học, công nghệ, tiêu chuẩn đo lường và chất lượng.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Quyết định số 13/2022/QĐ-UBND ngày 02/3/2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa quy định chi tiết về quản lý chất thải rắn sinh hoạt. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất

thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

2. Thực hiện công tác bảo vệ môi trường đầu tư xây dựng và quản lý, vận hành công trình hạ tầng bảo vệ môi trường cụm công nghiệp, trách nhiệm về đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp theo quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 52 Luật Bảo vệ môi trường 2020; yêu cầu về hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp theo quy định tại Điều 48 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

3. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình đối với các công trình bảo vệ môi trường nêu trong Giấy phép môi trường này, đảm bảo các loại chất thải phát sinh phải được xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

4. Kiểm soát các thông số ô nhiễm trong nước thải bảo đảm nước thải sau xử lý đáp ứng Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT, cột B, hệ số K_q=0,9; K_f=1,0; từ ngày 01/1/2032 nước thải sau xử lý đáp ứng Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN 40:2025/BTNMT, cột B. Nước thải phải được quản lý để giảm khai thác, tăng cường hiệu quả sử dụng tài nguyên nước, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

5. Kiểm soát các thông số ô nhiễm trong khí thải bảo chất lượng khí thải của nguồn tiếp nhận (khí thải phát sinh sau hệ thống xử lý khí thải của Trạm xử lý nước thải tập trung) có giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm đáp ứng theo QCVN 19:2024/BTNMT (cột C) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp.

6. Bố trí nhân sự phụ trách về bảo vệ môi trường được đào tạo chuyên ngành môi trường hoặc lĩnh vực phù hợp theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 52 Luật Bảo vệ môi trường.

7. Ban hành quy chế về bảo vệ môi trường của cụm công nghiệp theo quy định của pháp luật.

8. Thực hiện nghiêm túc các biện pháp bảo vệ môi trường khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình hoạt động theo đúng quy định của Luật Bảo vệ môi trường.

9. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

10. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và biện pháp ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật, trong đó có nội dung cập nhật về khối lượng, chủng loại chất thải phát sinh theo quy định.

11. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.